

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CAI LẬY  
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 31-3-2021

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Công Vĩnh Đức.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Huỳnh Văn Thanh.

2. Ông Nguyễn Văn Tư.

*- Thư ký phiên tòa:* Bà Phạm Tiểu Thơ là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang.

Trong ngày 31 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai, theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 73/2021/TLST–HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2021 về “Tranh chấp ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

*- Nguyên đơn:* Chị Trần Thị Đ, sinh năm 1996.

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh T.

*- Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Ấp H, xã H, huyện C, tỉnh T.

Chị Đ, anh T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện ngày 25/02/2021, nguyên đơn chị Đ trình bày: Chị và anh T chung sống vợ chồng vào tháng 7/2020, có tổ chức lễ cưới, nhưng không có đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 11/2020 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng tính tình không hợp nhau, thường bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau.

Nhưng vì không muốn hạnh phúc gia đình đổ vỡ nên chị cố gắng dung hòa với anh T trong cuộc sống để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Thời gian qua mặc dù chị cố gắng rất nhiều nhưng cuộc sống vợ chồng cũng không hạnh phúc, trái lại mâu thuẫn ngày càng gay gắt.

Hiện mâu thuẫn vợ chồng đến mức trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, không còn khả năng hàn gắn nên chị khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với anh T.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có.

Tại bản tự khai ngày 08/3/2021, bị đơn anh T trình bày: Anh với chị Đ chung sống vợ chồng vào tháng 7/2020, nhưng không có đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống đến tháng 11/2020 thì phát sinh mâu thuẫn nhỏ, nhưng chị Đ đã bỏ đi cho đến nay. Do đó, anh không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị Đ.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về quan hệ pháp luật: Đây là tranh chấp ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Chị Đ, anh T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị Đ, anh T theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đ và anh T chung sống vợ chồng vào tháng 7/2020, nhưng không có đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình; điểm c khoản 3 Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội; Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT ngày 03/01/2001 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Bộ tư pháp. Nên pháp luật không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Đ và anh T.

[4] Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Chị Đ và anh T xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Đ phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm, theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng các điều 9, 14, và 15 Luật hôn nhân và gia đình; điểm c khoản 3 Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội; Thông tư liên tịch số

01/2001/TTLT ngày 03/01/2001 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Bộ tư pháp; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Trầm Thị Đ với anh Nguyễn Văn T.

2. Án phí: Chị Trầm Thị Đ phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm. Chị Đ đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0006464 ngày 05/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang. Vậy chị Đ đã thi hành xong án phí.

3. Chị Đ, anh T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết, để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Tiền Giang
- VKSND huyện Cai Lậy;
- Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Công Vĩnh Đức**